

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH CAO BẰNG**

Số: 253/QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Cao Bằng, ngày 05 tháng 3 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động
Công ty TNHH một thành viên Thủy nông Cao Bằng**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất kinh doanh tại doanh nghiệp ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 32/2018/NĐ-CP ngày 08 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp;

Căn cứ Nghị định 32/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên;

Căn cứ Nghị định số 121/2020/NĐ-CP ngày 09/10/2020 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 12 Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp, đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 5 Điều 1 Nghị định số 32/2018/NĐ-CP ngày 08 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 91/2015/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 10/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ về thực hiện quyền, trách nhiệm của chủ sở hữu nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 140/2020/NĐ-CP ngày 30 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 126/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp nhà nước và công ty TNHH một thành viên do doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần; Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp và Nghị định số 32/2018/NĐ-CP ngày 08 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 91/2015/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 159/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 về quản lý người giữ chức danh, chức vụ và người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 69/2023/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 159/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 về quản lý người giữ chức danh, chức vụ và người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 47/2021/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2021 Quy định chi tiết một số điều của Luật doanh nghiệp;

Theo đề nghị của Công ty TNHH một thành viên Thủy nông Cao Bằng tại Tờ trình số 44/TTr-TN ngày 27 tháng 11 năm 2023 về việc phê duyệt Điều lệ Công ty TNHH một thành viên Thủy nông Cao Bằng và văn bản số 265/CV-TN ngày 25 tháng 12 năm 2023 về việc sửa đổi bổ sung Điều lệ công ty; đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại văn bản số 421/SKHĐT-ĐKKD ngày 27 tháng 02 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty TNHH một thành viên Thủy nông Cao Bằng.

Điều 2. Chủ tịch Công ty TNHH một thành viên Thủy Nông chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện theo đúng các điều khoản của Điều lệ quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 2460/QĐ-UBND ngày 27/12/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng về việc ban hành Điều lệ của Công ty TNHH một thành viên Thủy nông Cao Bằng.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài chính; Kế hoạch và Đầu tư; Nội vụ; Lao động - Thương binh và Xã hội; Chủ tịch Công ty TNHH một thành viên Thủy nông Cao Bằng và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- VP UBND tỉnh: CVP; PCVP; CVTH;
- Lưu: VT, TH (Nh).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN


KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Bích Ngọc

**ĐIỀU LỆ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN
THỦY NÔNG CAO BẰNG**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 253/QĐ-UBND ngày 05/3/2024
của UBND tỉnh Cao Bằng)* 

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Giải thích từ ngữ

1. Trong phạm vi Điều lệ này, những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- “Công ty” là tên gọi tắt của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Thủy nông Cao Bằng;
- “Cơ quan đại diện chủ sở hữu” là Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng;
- “Người quản lý công ty” là Chủ tịch công ty, Giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng;
- “Đơn vị trực thuộc” là các đơn vị hạch toán phụ thuộc, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh nằm trong cơ cấu tổ chức Công ty;
- “Luật Doanh nghiệp” là viết tắt Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam khóa XIV thông qua ngày 17/6/2020.

2. Các từ hoặc thuật ngữ đã được định nghĩa trong Luật Doanh nghiệp, pháp luật về công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu và các văn bản khác có liên quan sẽ được hiểu nguyên nghĩa trong Điều lệ này.

3. Các tham chiếu của Điều lệ này tới quy định của văn bản khác sẽ bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế các văn bản đó.

Điều 2. Phạm vi trách nhiệm

Điều lệ này quy định về tổ chức và hoạt động của Công ty TNHH một thành viên Thủy nông Cao Bằng (sau đây gọi tắt là Công ty) thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng

Điều 3. Tên công ty, trụ sở chính

1. Tên đầy đủ viết bằng tiếng Việt: **CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN THỦY NÔNG CAO BẰNG.**

2. Tên công ty viết tắt: **CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THỦY NÔNG CAO BẰNG.**

3. Địa bàn hoạt động: Trên phạm vi toàn quốc.



4. Địa chỉ trụ sở công ty: Số 058A, tổ 09, phường Tân Giang, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng.

Điện thoại: 0206 3853 301

Website: thuynongcaobang.com.vn

Mã số doanh nghiệp: 4800 104 615

Điều 4. Hình thức pháp lý và tư cách pháp nhân

1. Công ty TNHH một thành viên Thủy nông Cao Bằng do UBND tỉnh Cao Bằng làm Cơ quan đại diện chủ sở hữu, Công ty tổ chức và hoạt động dưới hình thức công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên theo quy định của Luật Doanh nghiệp và pháp luật có liên quan.

2. Công ty có tư cách pháp nhân, con dấu riêng và được mở tài khoản tiền Việt Nam và ngoại tệ tại Kho bạc Nhà nước, các ngân hàng trong nước và nước ngoài theo các quy định của pháp luật có liên quan.

3. Công ty có vốn và tài sản riêng, chịu trách nhiệm đối với các khoản nợ và các nghĩa vụ tài chính khác bằng toàn bộ tài sản của mình.

Điều 5. Mục tiêu hoạt động, ngành, nghề kinh doanh

1. Mục tiêu hoạt động của Công ty.

a) Tổ chức quản lý, khai thác công trình và hệ thống thủy lợi trên địa bàn tỉnh Cao Bằng phục vụ sản xuất nông nghiệp và đời sống dân sinh, nhằm đưa sản xuất nông nghiệp phát triển, xóa đói giảm nghèo cho nhân dân, góp phần tăng sản lượng lương thực cho tỉnh;

b) Sản xuất kinh doanh có hiệu quả, bảo toàn và phát triển vốn Chủ sở hữu tại Công ty, hoàn thành các nhiệm vụ do UBND tỉnh giao trên cơ sở kinh doanh đúng pháp luật.

2. Ngành, nghề kinh doanh.

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Khai thác, xử lý và cung cấp nước Chi tiết: Tưới tiêu phục vụ sản xuất nông nghiệp, cung cấp nước cho các ngành kinh tế, dân sinh.	3600 (chính)
2	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Chi tiết: Xây lắp, sửa chữa các công trình thủy lợi trong tỉnh; Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp.	4222
3	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: Khảo sát thiết kế công trình thủy lợi, thủy điện, cấp thoát nước, xây dựng dân dụng; Tư vấn giám sát công trình xây dựng.	7110

STT	Tên ngành	Mã ngành
4	Dịch vụ, thiết bị, phụ tùng, máy móc phục vụ nông nghiệp	

Điều 6. Vốn điều lệ của Công ty và việc điều chỉnh vốn điều lệ

1. Vốn điều lệ của Công ty là: 87.347.689.455 đồng.

(Bằng chữ: Tám mươi bảy tỷ, ba trăm bốn mươi bảy triệu, sáu trăm tám mươi chín nghìn, bốn trăm năm mươi năm đồng)

2. Tăng, giảm vốn điều lệ: Việc tăng, giảm vốn điều lệ thực hiện theo quy định của pháp luật. Khi có quyết định thay đổi vốn điều lệ, Công ty phải đăng ký điều chỉnh vốn điều lệ trong Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và công bố thông tin theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Cơ quan đại diện chủ sở hữu công ty

1. Cơ quan đại diện chủ sở hữu của công ty là UBND tỉnh Cao Bằng.

2. UBND tỉnh Cao Bằng thực hiện quyền và nghĩa vụ của cơ quan đại diện chủ sở hữu Nhà nước đối với Công ty theo quy định tại Nghị định số 10/2019/NĐ-CP ngày 30/01/2019 của Chính phủ có hiệu lực thi hành từ ngày 15/03/2019.

Điều 8. Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty là 01 người. Chức danh người đại diện theo pháp luật là Chủ tịch công ty theo quyết định của cơ quan đại diện chủ sở hữu.

Điều 9. Quản lý nhà nước

Công ty TNHH một thành viên Thủy Nông Cao Bằng chịu sự quản lý của Cơ quan đại diện chủ sở hữu và các Cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội trong Công ty

1. Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam trong Công ty hình thành, hoạt động theo Hiến pháp, pháp luật và Điều lệ của Đảng Cộng sản Việt Nam.

2. Các tổ chức chính trị - xã hội khác trong Công ty hình thành, hoạt động theo Hiến pháp, pháp luật và Điều lệ của các tổ chức chính trị - xã hội phù hợp với quy định của pháp luật.

3. Công ty tạo điều kiện thuận lợi về cơ sở vật chất, thời gian, điều kiện cần thiết khác để thành viên các tổ chức Đảng, tổ chức chính trị - xã hội thực hiện việc sinh hoạt đầy đủ theo quy định của pháp luật, Điều lệ và nội quy của các tổ chức đó.

Chương II

QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÔNG TY

Điều 11. Quyền của Công ty

1. Quyền của Công ty đối với vốn, tài sản, đầu tư và quản lý tài chính theo quy định của Luật Quản lý sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất kinh doanh tại doanh nghiệp và các văn bản pháp luật có liên quan, thay thế (nếu có).

2. Quyền về kinh doanh và tổ chức sản xuất kinh doanh theo quy định tại Luật Doanh nghiệp phù hợp với mục tiêu hoạt động, ngành nghề kinh doanh quy định tại Điều 5 Điều lệ này.

3. Được đảm bảo thời gian, hạch toán và bù đắp chi phí khi tham gia hoạt động cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích theo quy định Luật Doanh nghiệp, Nghị định 32/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 của Chính phủ Quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên và các văn bản pháp luật có liên quan, thay thế (nếu có).

4. Thực hiện các quyền khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 12. Nghĩa vụ của Công ty

1. Nghĩa vụ đối với vốn, tài sản đầu tư, quản lý tài chính.

Công ty có nghĩa vụ đối với vốn, tài sản đầu tư và quản lý tài chính theo quy định của Nhà nước và các văn bản pháp luật có liên quan. Sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn, tài sản do cơ quan đại diện chủ sở hữu nhà nước giao để đầu tư thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ kinh doanh và những nhiệm vụ mang lại lợi ích hợp pháp của Công ty.

2. Nghĩa vụ trong kinh doanh.

a) Kinh doanh đúng ngành, nghề đã đăng ký; sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ đủ số lượng, đúng chất lượng và thời hạn đã cam kết; chịu trách nhiệm trước khách hàng, cơ quan quản lý và trước pháp luật về sản phẩm, dịch vụ công ích do mình sản xuất và cung ứng;

b) Xây dựng chiến lược phát triển, kế hoạch sản xuất kinh doanh phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của Công ty và nhu cầu thị trường;

c) Đổi mới, hiện đại hóa công nghệ và phương thức quản lý để nâng cao hiệu quả kinh doanh của Công ty.

d) Thực hiện chế độ kế toán, kiểm toán và báo cáo tài chính, báo cáo thống kê theo quy định của pháp luật và theo yêu cầu của Chủ sở hữu;

e) Chịu sự giám sát của Nhà nước trong thực hiện các quy định về thang, bảng lương; đơn giá tiền lương, chế độ trả lương đối với người lao động, Chủ tịch, Giám đốc, các Phó Giám đốc, Kế toán trưởng Công ty và các cán bộ quản lý khác;



g) Chịu sự giám sát, kiểm tra của Chủ sở hữu nhà nước; chấp hành các quyết định về thanh tra của cơ quan tài chính và cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

h) Bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của người lao động theo quy định của pháp luật lao động, thỏa ước lao động tập thể và những thỏa thuận với người lao động trong hợp đồng lao động; hỗ trợ và tạo điều kiện thuận lợi cho người lao động tham gia đào tạo nâng cao trình độ, kỹ năng nghề; thực hiện chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động theo quy định của pháp luật.

i) Nghĩa vụ khi tham gia hoạt động công ích theo quy định của Chính phủ về sản xuất và cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích và các văn bản pháp luật có liên quan;

k) Tuân theo các quy định của Nhà nước về quốc phòng, an ninh, văn hóa, trật tự, an toàn xã hội, phòng chống cháy nổ và bảo vệ tài nguyên môi trường;

3. Chịu sự giám sát, kiểm tra của Cơ quan đại diện chủ sở hữu công ty; chấp hành các quyết định về thanh tra, hoạt động của Công ty theo quy định của pháp luật về thanh tra và quy định pháp luật có liên quan.

4. Thực hiện các nghĩa vụ khác trong kinh doanh theo quy định của pháp luật về thanh tra và quy định pháp luật và được Nhà nước giao.

5. Nghĩa vụ khi tham gia hoạt động công ích (nếu có) theo quy định hiện hành của Nhà nước và các văn bản pháp luật có liên quan.

Chương III

QUYỀN, TRÁCH NHIỆM CỦA CƠ QUAN ĐẠI DIỆN CHỦ SỞ HỮU ĐỐI VỚI CÔNG TY VÀ PHÂN CÔNG THỰC HIỆN CÁC QUYỀN, TRÁCH NHIỆM CỦA CƠ QUAN ĐẠI DIỆN CHỦ SỞ HỮU

Điều 13. Tổ chức thực hiện các quyền và trách nhiệm của Cơ quan đại diện chủ sở hữu đối với công ty

1. Quyền và trách nhiệm của Cơ quan đại diện chủ sở hữu về tổ chức lại, chuyển đổi sở hữu, giải thể, yêu cầu phá sản, chuyển giao Công ty phù hợp với Đề án tổng thể về sắp xếp, đổi mới tái cơ cấu Công ty.

a) Xây dựng đề án tổng thể sắp xếp, đổi mới Công ty.

b) Ra quyết định chia, tách, hợp nhất, sáp nhập (nếu có) sau khi đề án được Thủ Tướng Chính Phủ phê duyệt.

c) Đối với việc chuyển Công ty thành Công ty cổ phần: Thực hiện trình tự, thủ tục, thẩm quyền quyết định chuyển Công ty thành Công ty Cổ phần theo quy định của Chính phủ về chuyển Công ty nhà nước có 100% vốn điều lệ thành Công ty cổ phần.

d) Về giải thể Công ty: ra quyết định giải thể Công ty theo trình tự, thủ tục

của Pháp luật.

2. Quyền và trách nhiệm của cơ quan đại diện chủ sở hữu về Điều lệ, chiến lược, kế hoạch của Công ty

a) Phê duyệt, ban hành điều lệ và sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty theo đề nghị của Chủ tịch Công ty.

b) Phê duyệt để Chủ tịch Công ty ra quyết định về kế hoạch 05 năm (bao gồm chiến lược, kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch đầu tư phát triển 05 năm) và kế hoạch sản xuất, kinh doanh hằng năm của doanh nghiệp.

3. Quyền và trách nhiệm của Cơ quan đại diện chủ sở hữu về quản lý cán bộ.

a) Quyết định đánh giá, quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, điều động, luân chuyển, chấp thuận từ chức, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật, nghỉ hưu đối với Chủ tịch, Kiểm soát viên Công ty theo phân cấp về công tác quản lý cán bộ của tỉnh.

b) Có ý kiến trước khi Chủ tịch Công ty quyết định quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, điều động, luân chuyển, chấp thuận từ chức, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật, nghỉ hưu đối với Giám đốc Công ty.

c) Thực hiện quyền và trách nhiệm về tiền lương, thù lao, tiền thưởng và quyền lợi khác của người quản lý Công ty theo quy định của Chính phủ về tiền lương, thù lao, tiền thưởng và quyền lợi khác của người quản lý Công ty TNHH một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.

4. Quyền và trách nhiệm của Cơ quan đại diện chủ sở hữu về hoạt động tài chính và đầu tư của Công ty

a) Ban hành quy chế tài chính của Công ty theo quy định của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp.

b) Phê duyệt mức vốn điều lệ của Công ty (kể cả điều chỉnh vốn trong quá trình hoạt động) theo quy định tại Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất kinh doanh tại doanh nghiệp và quy định hướng dẫn của Chính phủ.

c) Phê duyệt theo đề nghị của Chủ tịch Công ty đối với những nội dung sau:

- Phương án huy động vốn đối với từng dự án có mức huy động trên 30% vốn chủ sở hữu được ghi trên báo cáo tài chính quý hoặc báo cáo tài chính năm của Công ty tại thời điểm gần nhất với thời điểm huy động vốn nhưng không quá mức vốn của dự án nhóm B theo quy định của Luật đầu tư công.

- Phương án huy động vốn của cá nhân, tổ chức nước ngoài;

- Phê duyệt chủ trương vay, cho vay, các dự án đầu tư, xây dựng, mua, bán cho thuê tài sản cố định có giá trị trên 30% vốn chủ sở hữu được ghi trên báo cáo tài chính quý hoặc báo cáo tài chính năm của Công ty tại thời điểm gần

nhất với thời điểm quyết định dự án nhưng không quá mức vốn của dự án nhóm B theo quy định của Luật đầu tư công.

- Phê duyệt chủ trương các dự án đầu tư ra ngoài Công ty có giá trị trên 30% vốn chủ sở hữu được ghi trên báo cáo tài chính quý hoặc báo cáo tài chính năm của Công ty tại thời điểm gần nhất với thời điểm quyết định dự án nhưng không quá mức vốn của dự án nhóm B theo quy định của Luật đầu tư công.

d) Quyết định để Chủ tịch Công ty ký hợp đồng thuê, cho thuê, thế chấp, cầm cố tài sản của Công ty có giá trị lớn hơn mức phân cấp cho Chủ tịch Công ty theo quy định của Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp và mức quy định tại Điều lệ này.

e) Phê duyệt phương án thanh lý, nhượng bán tài sản cố định có giá trị lớn hơn mức phân cấp cho Chủ tịch Công ty theo quy định của Luật quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp và mức quy định tại Điều lệ này.

g) Quyết định chủ trương đầu tư ra nước ngoài thuộc thẩm quyền theo quy định của Luật quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp và quy định hướng dẫn của Chính phủ.

h) Quyết định chủ trương góp vốn, tăng giảm vốn góp, chuyển nhượng vốn đầu tư của Công ty tại Công ty cổ phần, Công ty TNHH hai thành viên trở lên.

i) Quyết định chủ trương tiếp nhận Công ty cổ phần, Công ty TNHH hai thành viên trở lên thành Công ty con, Công ty liên kết của doanh nghiệp.

k) Phê duyệt báo cáo tài chính, phương án phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ hàng năm của Công ty.

l) Phối hợp với cơ quan tài chính cùng cấp để thực hiện việc đầu tư vốn nhà nước vào Công ty sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt; quyết định việc chuyển nhượng vốn đầu tư của Công ty tại Công ty cổ phần, Công ty TNHH hai thành viên trở lên trong trường hợp giá trị chuyển nhượng thấp hơn giá trị ghi trên sổ sách kế toán của Công ty sau khi đã bù trừ dự phòng tổn thất vốn đầu tư.

5. Quyền và trách nhiệm của Cơ quan đại diện chủ sở hữu về giám sát, kiểm tra và đánh giá hoạt động của Công ty

a) Tổ chức thực hiện giám sát, kiểm tra việc quản lý, sử dụng, bảo toàn và phát triển vốn, thực hiện chiến lược, kế hoạch đầu tư phát triển, việc tuyển dụng lao động, thực hiện chế độ tiền lương, tiền thưởng của Công ty; có ý kiến về việc giám sát, kiểm tra, thanh tra của cơ quan, tổ chức khác có thẩm quyền đối với hoạt động đầu tư, quản lý, sử dụng vốn nhà nước tại Công ty theo quy định của Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp và quy định hướng dẫn của Chính phủ.

b) Tổ chức thực hiện đánh giá kết quả hoạt động, hiệu quả hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty, đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ trong quản

lý, điều hành của người quản lý Công ty, kiểm soát viên theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất kinh doanh tại doanh nghiệp và quy định hướng dẫn của Chính phủ.

6. Thực hiện Quyền và trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật có liên quan.

Chương IV TỔ CHỨC, QUẢN LÝ CÔNG TY

Mục 1 CƠ CẤU TỔ CHỨC QUẢN LÝ

Điều 14. Mô hình tổ chức, quản lý Công ty

1. Công ty TNHH một thành viên Thủy Nông Cao Bằng được tổ chức theo mô hình: Chủ tịch, Giám đốc, Kiểm soát viên Công ty.

2. Bộ máy tổ chức quản lý và điều hành của Công ty:

- a) Chủ tịch;
- b) Giám đốc;
- c) Kiểm soát viên;
- d) Phó Giám đốc;
- e) Kế toán trưởng.

3. Các phòng chuyên môn, nghiệp vụ:

- a) Phòng Tổ chức - Hành chính;
- b) Phòng Kế toán - Tài vụ;
- c) Phòng Kế hoạch - Kỹ thuật;
- d) Phòng Quản lý - Khai thác công trình.

4. Các Trạm thủy nông trực thuộc:

- a) Trạm Thủy nông Hòa An;
- b) Trạm Thủy nông Hà Quảng;
- c) Trạm Thủy nông Trùng Khánh;
- d) Trạm Thủy nông Hồng Đại;
- e) Trạm Thủy nông Thạch An;
- g) Đội xây dựng.

Mục 2 CHỦ TỊCH CÔNG TY



Điều 15. Chủ tịch Công ty

1. Chủ tịch Công ty do Cơ quan đại diện chủ sở hữu bổ nhiệm theo quy định của pháp luật. Chủ tịch Công ty có nhiệm kỳ không quá năm (05) năm và có thể được bổ nhiệm lại. Một cá nhân được bổ nhiệm không quá hai (02) nhiệm kỳ liên tiếp, trừ trường hợp người được bổ nhiệm đã có trên 15 năm làm việc liên tục tại Công ty đó trước khi được bổ nhiệm lần đầu.

2. Chủ tịch Công ty sử dụng bộ máy quản lý, điều hành, bộ phận giúp việc của Công ty để thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình. Trường hợp cần thiết, Chủ tịch Công ty tổ chức lấy ý kiến chuyên gia tư vấn trong nước và nước ngoài trước khi quyết định vấn đề quan trọng thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Công ty. Chi phí lấy ý kiến chuyên gia tư vấn được quy định tại quy chế quản lý tài chính của Công ty.

3. Chủ tịch Công ty sử dụng bộ máy quản lý, điều hành, bộ phận giúp việc (nếu có) và con dấu của Công ty để thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn của mình.

4. Quyết định của Chủ tịch Công ty có giá trị pháp lý kể từ ngày được ký và đóng dấu với chức danh Chủ tịch Công ty, trừ trường hợp phải được Cơ quan đại diện chủ sở hữu Công ty chấp thuận.

Điều 16. Tiêu chuẩn và điều kiện của Chủ tịch Công ty

1. Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp.

2. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề hoạt động của Công ty.

3. Không phải là người có quan hệ gia đình của người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu Cơ quan đại diện chủ sở hữu; Giám đốc, Phó Giám đốc và Kế toán trưởng của Công ty; Kiểm soát viên Công ty.

4. Không phải là cán bộ, công chức trong cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội hoặc không phải là người quản lý điều hành tại Công ty thành viên.

5. Chưa từng bị cách chức Chủ tịch Hội đồng thành viên, thành viên Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch, Giám đốc, Phó Giám đốc của doanh nghiệp nhà nước.

6. Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước và Cơ quan đại diện chủ sở hữu.

Điều 17. Quyền hạn và nghĩa vụ của Chủ tịch Công ty

Chủ tịch Công ty thực hiện quyền, nghĩa vụ của người đại diện Cơ quan đại diện chủ sở hữu trực tiếp tại Công ty theo quy định của Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp; các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định:

1. Các nội dung Chủ tịch Công ty đề nghị Cơ quan đại diện chủ sở hữu quyết định.

- Quyết định các nội dung liên quan đến Điều 13 Điều lệ này.
- Quyết định các nội dung khác theo quy định của Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp; Luật Doanh nghiệp và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Các nội dung Chủ tịch Công ty quyết định sau khi Cơ quan đại diện chủ sở hữu phê duyệt.

a) Chiến lược, kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch đầu tư phát triển 05 năm và kế hoạch sản xuất, kinh doanh hằng năm của Công ty;

b) Bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật đối với Giám đốc Công ty;

c) Chủ tịch Công ty quyết định phương án huy động vốn đối với từng dự án có mức huy động không quá 30% vốn chủ sở hữu được ghi trên báo cáo tài chính quý hoặc báo cáo tài chính năm của Công ty tại thời điểm gần nhất với thời điểm huy động vốn nhưng không quá mức vốn của dự án nhóm B theo quy định của Luật Đầu tư công;

d) Căn cứ vào chiến lược, kế hoạch đầu tư phát triển 05 năm và kế hoạch sản xuất, kinh doanh hằng năm của Công ty, Chủ tịch Công ty quyết định từng dự án đầu tư, xây dựng, mua, bán tài sản cố định với giá trị không quá 30% vốn chủ sở hữu được ghi trên báo cáo tài chính quý hoặc báo cáo tài chính năm của Công ty tại thời điểm gần nhất với thời điểm quyết định dự án nhưng không quá mức vốn của dự án nhóm B theo quy định của Luật Đầu tư công;

e) Chủ tịch Công ty quyết định từng dự án đầu tư ra ngoài Công ty với giá trị không quá 30% vốn chủ sở hữu được ghi trên báo cáo tài chính quý hoặc báo cáo tài chính năm của Công ty tại thời điểm gần nhất với thời điểm quyết định dự án nhưng không quá mức vốn của dự án nhóm B theo quy định của Luật Đầu tư công;

g) Góp vốn, tăng, giảm vốn góp, chuyển nhượng vốn đầu tư của Công ty đầu tư tại Công ty cổ phần, Công ty TNHH hai thành viên trở lên;

h) Tiếp nhận Công ty cổ phần, Công ty TNHH hai thành viên trở lên thành Công ty con, Công ty liên kết của Công ty;

i) Báo cáo tài chính; phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ hằng năm của Công ty.

3. Các nội dung Chủ tịch Công ty quyết định.

a) Ban hành Quy chế quản lý nội bộ của Công ty;

b) Tiền lương, thù lao, tiền thưởng và quyền lợi khác đối với Tổng giám đốc hoặc Giám đốc Công ty.

c) Bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật, tiền lương, thù lao, tiền thưởng và các quyền lợi khác đối với Phó Giám đốc, Kế toán trưởng Công ty;

d) Quyết định hoặc ủy quyền cho Giám đốc Công ty quyết định phương án huy động vốn, dự án đầu tư, xây dựng, mua, bán tài sản cố định thuộc thẩm quyền.

4. Chủ tịch Công ty quản lý, điều hành Công ty tuân thủ quy định của pháp luật và quyết định của Cơ quan đại diện chủ sở hữu.

5. Chủ tịch Công ty chịu trách nhiệm trước Cơ quan đại diện chủ sở hữu trong quản lý, sử dụng, bảo toàn, phát triển vốn; báo cáo kịp thời Cơ quan đại diện chủ sở hữu khi Công ty hoạt động thua lỗ, không bảo đảm khả năng thanh toán, không hoàn thành nhiệm vụ được giao và những trường hợp sai phạm khác.

6. Chủ tịch Công ty chịu trách nhiệm trước pháp luật về vi phạm gây tổn thất vốn, tài sản của Công ty.

7. Chủ tịch Công ty thực hiện quyền, trách nhiệm khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, điều lệ Công ty và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

Điều 18. Trách nhiệm của Chủ tịch Công ty

1. Tuân thủ pháp luật, Điều lệ Công ty, quyết định của Cơ quan đại diện chủ sở hữu Công ty trong việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

2. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty và Cơ quan đại diện chủ sở hữu Công ty.

3. Trung thành với lợi ích của Công ty và Cơ quan đại diện chủ sở hữu Công ty. Không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, địa vị, chức vụ và tài sản của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ cho lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

4. Thông báo kịp thời, đầy đủ và chính xác cho Công ty về các Công ty mà mình và người có liên quan làm chủ sở hữu hoặc có cổ phần, phần vốn góp. Thông báo này được niêm yết tại trụ sở chính và các chi nhánh, đơn vị trực thuộc của Công ty.

5. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty thực hiện các hành vi sau đây: Vi phạm pháp luật; tiến hành kinh doanh hoặc giao dịch khác không nhằm phục vụ lợi ích của Công ty và gây thiệt hại cho người khác; thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn khi có nguy cơ rủi ro tài chính có thể xảy ra đối với Công ty.

6. Trường hợp Chủ tịch Công ty xuất cảnh khỏi Việt Nam trên 30 ngày thì phải ủy quyền bằng văn bản cho người khác thực hiện một số quyền, nghĩa vụ của Chủ tịch Công ty; việc ủy quyền phải được thông báo kịp thời bằng văn bản đến Cơ quan đại diện chủ sở hữu. Trường hợp ủy quyền khác thực hiện theo quy định tại quy chế quản lý nội bộ của Công ty.

7. Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật đối với Công

ty TNHH một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu.

Điều 19. Miễn nhiệm chức danh Chủ tịch Công ty

Chủ tịch Công ty bị miễn nhiệm trong những trường hợp sau đây:

1. Bị kỷ luật cảnh cáo hoặc khiển trách mà cấp có thẩm quyền xác định là năng lực hạn chế, uy tín giảm sút.
2. Bị kỷ luật khiển trách hai lần trở lên trong cùng một thời hạn bổ nhiệm.
3. Có trên 2/3 số phiếu tín nhiệm thấp tại kỳ lấy phiếu theo quy định của Đảng (đối tượng, quy trình, thủ tục lấy phiếu tín nhiệm thực hiện theo quy định của cấp có thẩm quyền).
4. Có hai năm liên tiếp được xếp loại chất lượng ở mức không hoàn thành nhiệm vụ.
5. Bị cơ quan có thẩm quyền kết luận suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”; vi phạm những điều đảng viên không được làm; vi phạm trách nhiệm nêu gương, ảnh hưởng xấu đến uy tín của bản thân và cơ quan, đơn vị nơi đang công tác.
6. Bị cơ quan có thẩm quyền kết luận vi phạm tiêu chuẩn chính trị theo quy định về bảo vệ chính trị nội bộ của Đảng đến mức phải miễn nhiệm.
7. Đẻ cơ quan, đơn vị thuộc quyền quản lý, phụ trách hoặc cấp dưới trực tiếp xảy ra tham nhũng, tiêu cực rất nghiêm trọng.
8. Các lý do miễn nhiệm khác theo quy định của Đảng và pháp luật.

Điều 20. Cách chức chức danh Chủ tịch Công ty

Chủ tịch Công ty bị cách chức trong các trường hợp sau đây:

1. Công ty không hoàn thành các mục tiêu, chỉ tiêu kế hoạch hằng năm, không bảo toàn và phát triển vốn đầu tư theo yêu cầu của Cơ quan đại diện chủ sở hữu mà không giải trình được nguyên nhân khách quan hoặc giải trình nguyên nhân nhưng không được Cơ quan đại diện chủ sở hữu chấp thuận.
2. Bị Tòa án kết án và bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật.
3. Không trung thực trong thực thi quyền, nghĩa vụ hoặc lạm dụng địa vị, chức vụ, sử dụng tài sản của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác; báo cáo không trung thực tình hình tài chính và kết quả sản xuất, kinh doanh của Công ty.

Mục 3 KIỂM SOÁT VIÊN

Điều 21. Kiểm soát viên

1. Cơ quan đại diện chủ sở hữu Công ty bổ nhiệm một (01) Kiểm soát

viên với nhiệm kỳ là 05 (năm) năm và được bổ nhiệm lại nhưng không quá 02 nhiệm kỳ liên tục tại Công ty; Kiểm soát viên làm việc theo chế độ chuyên trách hoặc không chuyên trách. Kiểm soát viên chịu trách nhiệm trước pháp luật và Cơ quan đại diện chủ sở hữu Công ty về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ của mình.

2. Tiêu chuẩn và điều kiện của Kiểm soát viên:

a) Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của Công ty và có ít nhất 03 năm kinh nghiệm làm việc;

b) Không được là người quản lý Công ty và người quản lý tại Công ty khác; không được là Kiểm soát viên của Công ty không phải là doanh nghiệp nhà nước; không phải là người lao động của Công ty;

c) Không phải là người có quan hệ gia đình của người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu Cơ quan đại diện chủ sở hữu của Công ty; Chủ tịch, Giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng Công ty; Kiểm soát viên khác của Công ty;

d) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định của pháp luật.

3. Quyền của Kiểm soát viên:

a) Tham gia các cuộc họp, cuộc tham vấn và trao đổi chính thức và không chính thức của Cơ quan đại diện chủ sở hữu với Chủ tịch Công ty; có quyền chất vấn Chủ tịch và Giám đốc Công ty về các kế hoạch, dự án hay chương trình đầu tư phát triển và các quyết định khác trong quản lý điều hành Công ty;

b) Xem xét sổ sách kế toán, báo cáo, hợp đồng, giao dịch và tài liệu khác của Công ty; kiểm tra công việc quản lý điều hành của Chủ tịch, Giám đốc Công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo yêu cầu của Cơ quan đại diện chủ sở hữu;

c) Xem xét, đánh giá thực trạng hoạt động kinh doanh, thực trạng tài chính của Công ty, thực trạng vận hành và hiệu lực các quy chế quản trị nội bộ Công ty;

d) Yêu cầu Chủ tịch, Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng Công ty và những người quản lý khác báo cáo, cung cấp thông tin về bất cứ việc gì trong phạm vi quản lý và hoạt động đầu tư, kinh doanh của Công ty;

e) Yêu cầu những người quản lý Công ty báo cáo về thực trạng tài chính, thực trạng và kết quả kinh doanh của Công ty khi xét thấy cần thiết để thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;

g) Trường hợp phát hiện Chủ tịch, Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng Công ty và những người quản lý khác làm trái các quy định về quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của họ hoặc có nguy cơ làm trái các quy định đó; hoặc phát hiện hành vi vi phạm pháp luật, làm trái các quy định về quản lý kinh tế, trái quy định Điều lệ Công ty hoặc các quy chế quản trị nội bộ Công ty phải báo cáo ngay cho Cơ quan đại diện chủ sở hữu Công ty và cá nhân có liên quan;

h) Đề nghị Cơ quan đại diện chủ sở hữu thành lập đơn vị thực hiện nhiệm vụ kiểm toán tham mưu và trực tiếp hỗ trợ Kiểm soát viên thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao;

i) Được sử dụng con dấu của Công ty để phục vụ công tác báo cáo với Cơ quan quản lý Nhà nước;

k) Kiểm soát viên được đào tạo nghiệp vụ kiểm soát, các chi phí hoạt động của Kiểm soát viên thực hiện theo khung mức chi trả do chủ sở hữu quyết định tại Quy chế hoạt động của kiểm soát viên và hạch toán vào chi phí sản xuất kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật.

l) Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

4. Nghĩa vụ của Kiểm soát viên:

a) Giám sát việc tổ chức thực hiện chiến lược phát triển, kế hoạch kinh doanh của Công ty;

b) Giám sát, đánh giá thực hiện chiến lược phát triển, kế hoạch kinh doanh của Công ty;

c) Giám sát và đánh giá việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của Chủ tịch, Giám đốc Công ty;

d) Giám sát, đánh giá hiệu lực và mức độ tuân thủ quy chế kiểm toán nội bộ, quy chế quản lý và phòng ngừa rủi ro, quy chế báo cáo, quy chế quản trị nội bộ khác của Công ty;

e) Giám sát tính hợp pháp, tính hệ thống và trung thực trong công tác kế toán, sổ sách kế toán, trong nội dung báo cáo tài chính, các phụ lục và tài liệu liên quan;

g) Giám sát hợp đồng, giao dịch của Công ty với các bên có liên quan;

h) Giám sát thực hiện các dự án đầu tư lớn có giá trị lớn hơn 30% vốn chủ sở hữu hoặc lớn hơn mức vốn của dự án nhóm B theo phân loại quy định tại Luật Đầu tư công, hợp đồng, giao dịch mua, bán, giao dịch kinh doanh có giá trị lớn hơn 10% chủ sở hữu hoặc theo yêu cầu của Cơ quan đại diện Chủ sở hữu; giao dịch kinh doanh bất thường của Công ty;

i) Lập và gửi báo cáo đánh giá, kiến nghị về nội dung quy định tại các điểm a, b, c, d, e, g và h khoản này cho Cơ quan đại diện Chủ sở hữu và Chủ tịch Công ty;

k) Xây dựng Kế hoạch Công tác hàng năm, trình UBND tỉnh phê duyệt, ban hành trong quý I; thực hiện theo Kế hoạch công tác năm được phê duyệt. Đối với những trường hợp cần phải kiểm tra, giám sát đột xuất nhằm phát hiện sớm những sai sót của doanh nghiệp, Kiểm soát viên chủ động thực hiện, đồng thời báo cáo UBND tỉnh;

l) Thực hiện các nghĩa vụ khác theo yêu cầu của UBND tỉnh và quy định tại Điều lệ này.

5. Trách nhiệm của Kiểm soát viên:

a) Tuân thủ pháp luật, Điều lệ Công ty, quyết định của Cơ quan đại diện chủ sở hữu và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện quyền và nghĩa vụ của Kiểm soát viên;

b) Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất để bảo vệ lợi ích của Nhà nước, Công ty và lợi ích hợp pháp của các bên tại Công ty;

c) Trung thành với lợi ích của Nhà nước và Công ty; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

d) Trường hợp vi phạm trách nhiệm quy định tại Điều này mà gây thiệt hại cho Công ty thì Kiểm soát viên phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó; tùy theo tính chất, mức độ vi phạm và thiệt hại còn có thể bị xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật; hoàn trả lại cho Công ty mọi thu nhập và lợi ích có được do vi phạm trách nhiệm quy định tại Điều này;

e) Mọi thu nhập và lợi ích khác mà Kiểm soát viên trực tiếp hoặc gián tiếp có được do vi phạm nghĩa vụ quy định tại các điểm a, b, c và d khoản này đều phải trả lại Công ty.

g) Báo cáo kịp thời cho Cơ quan đại diện chủ sở hữu và các cá nhân có liên quan, đồng thời yêu cầu cá nhân đó chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả trong trường hợp sau đây:

- Phát hiện Chủ tịch, Giám đốc Công ty và người quản lý khác làm trái quy định về quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của họ hoặc có nguy cơ làm trái quy định đó;

- Phát hiện hành vi vi phạm pháp luật, trái quy định Điều lệ Công ty hoặc quy chế quản trị nội bộ Công ty.

h) Trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

6. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau đây:

a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 2 Điều này;

b) Có đơn xin từ chức và được Cơ quan đại diện chủ sở hữu chấp thuận;

c) Được Cơ quan đại diện chủ sở hữu hoặc Cơ quan có thẩm quyền khác điều động, phân công thực hiện nhiệm vụ khác;

d) Trường hợp khác theo quy định của pháp luật có liên quan.

7. Kiểm soát viên bị cách chức trong các trường hợp sau đây:

a) Không thực hiện nghĩa vụ, nhiệm vụ, công việc được phân công trong 03 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

- b) Không hoàn thành nghĩa vụ, nhiệm vụ, công việc được phân công trong 01 năm;
- c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Kiểm soát viên quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;
- d) Trường hợp khác theo quy định của pháp luật có liên quan.

Mục 4

BỘ MÁY ĐIỀU HÀNH CÔNG TY

Điều 22. Giám đốc Công ty

1. Giám đốc do Chủ tịch Công ty quyết định quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, điều động, luân chuyển, chấp nhận từ chức, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật, nghỉ hưu sau khi có ý kiến chấp thuận của Cơ quan đại diện chủ sở hữu.

2. Giám đốc là người điều hành hoạt động của Công ty theo mục tiêu, kế hoạch và các quyết định của Chủ tịch Công ty. Chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Công ty và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

3. Giám đốc được bổ nhiệm hoặc ký hợp đồng với nhiệm kỳ không quá năm (05) năm.

4. Tiêu chuẩn, điều kiện của Giám đốc:

a) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm thực tế trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Công ty;

b) Có sức khỏe, phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết, hiểu biết pháp luật và có ý thức chấp hành pháp luật;

c) Không phải là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột của người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu Cơ quan đại diện chủ sở hữu; Chủ tịch, Phó Giám đốc và Kế toán trưởng Công ty;

d) Không phải là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của Kiểm soát viên Công ty;

e) Không phải là cán bộ, công chức trong cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội; không phải là người quản lý điều hành tại Công ty thành viên;

g) Chưa từng bị cách chức Chủ tịch Hội đồng thành viên, thành viên Hội đồng thành viên, Chủ tịch, Giám đốc, Phó Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc của Công ty nhà nước khác;

h) Không được kiêm Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc của Công ty khác;

i) Các tiêu chuẩn, điều kiện quy định khác của pháp luật có liên quan.

5. Giám đốc có các quyền sau đây:

- a) Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Chủ tịch Công ty;
- b) Quyết định các vấn đề liên quan đến hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty;
- c) Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;
- d) Ban hành Quy chế quản lý nội bộ của Công ty sau khi có ý kiến chấp thuận của Chủ tịch Công ty;
- e) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Công ty;
- g) Ký kết hợp đồng nhân danh Công ty, trừ trường hợp thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Công ty;
- h) Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức Công ty, khi xét thấy cần thiết;
- i) Trình báo cáo quyết toán tài chính hàng năm lên Chủ tịch Công ty;
- k) Kiến nghị phương án sử dụng lợi nhuận hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
- l) Thực hiện tuyển dụng lao động theo kế hoạch hàng năm được Chủ tịch Công ty phê duyệt; căn cứ tình hình thực tế để bố trí, sắp xếp lao động phù hợp, đáp ứng được yêu cầu sản xuất, kinh doanh của Công ty; ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng, đánh giá, xếp loại, khen thưởng, kỷ luật, thôi việc, nghỉ hưu, xếp lương, nâng bậc lương đối với người lao động của Công ty trừ trường hợp thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Công ty.
- m) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

6. Giám đốc có các nghĩa vụ sau đây:

- a) Tuân thủ pháp luật, Điều lệ, nghị quyết, quyết định của Chủ tịch Công ty trong việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao;
- b) Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm tối đa lợi ích hợp pháp của Công ty;
- c) Trung thành với lợi ích của Công ty. Không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công ty, lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ cho lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
- d) Thông báo kịp thời, đầy đủ và chính xác cho Công ty về các Công ty mà Giám đốc và người có liên quan làm chủ hoặc có cổ phần, phần vốn góp. Thông báo này được niêm yết tại trụ sở chính và các chi nhánh, đơn vị trực thuộc Công ty;
- e) Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty thực hiện các hành vi vi phạm pháp luật; tiến hành kinh doanh hoặc giao dịch khác không nhằm phục vụ lợi ích của Công ty và gây thiệt hại cho người khác; thanh toán các khoản nợ

chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với Công ty;

g) Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và pháp luật về Công ty TNHH một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu.

7. Chủ tịch Công ty xem xét miễn nhiệm Giám đốc trong những trường hợp sau đây:

- a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại khoản 4, Điều này;
- b) Có đơn xin nghỉ việc.

8. Chủ tịch Công ty xem xét cách chức Giám đốc trong những trường hợp sau đây:

- a) Công ty không bảo toàn được vốn theo quy định của pháp luật;
- b) Công ty không hoàn thành các mục tiêu kế hoạch kinh doanh hằng năm;
- c) Công ty vi phạm pháp luật;
- d) Không có đủ trình độ và năng lực đáp ứng yêu cầu của chiến lược phát triển và kế hoạch kinh doanh mới của Công ty;
- e) Vi phạm một trong số các quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của người quản lý quy định tại khoản 5, 6 Điều này và các quy định khác của pháp luật.

Điều 23. Quan hệ giữa Chủ tịch và Giám đốc Công ty trong quản lý, điều hành Công ty

1. Khi tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Chủ tịch Công ty nếu phát hiện vấn đề không có lợi cho Công ty thì Giám đốc Công ty báo cáo với Chủ tịch Công ty để xem xét điều chỉnh lại nghị quyết, quyết định. Trường hợp Chủ tịch Công ty không điều chỉnh lại nghị quyết, quyết định thì Giám đốc Công ty có thể báo cáo Cơ quan đại diện chủ sở hữu Công ty, nhưng vẫn phải thực hiện nghị quyết, quyết định của Chủ tịch Công ty.

2. Giám đốc lập và gửi báo cáo bằng văn bản về tình hình hoạt động kinh doanh hàng tháng, quý, năm và phương hướng thực hiện trong kỳ tới của Công ty cho Chủ tịch Công ty; có trách nhiệm báo cáo đột xuất về các vấn đề quản trị, tổ chức quản lý và điều hành của Công ty theo yêu cầu của Chủ tịch Công ty.

3. Giám đốc phải mời Chủ tịch Công ty hoặc người được Chủ tịch Công ty ủy quyền tham dự các cuộc họp giao ban, các cuộc họp chuẩn bị các báo cáo, đề án trình Chủ tịch Công ty hoặc trình Cơ quan đại diện chủ sở hữu Công ty do Giám đốc chủ trì để phối hợp chuẩn bị nội dung có liên quan. Chủ tịch Công ty hoặc người được ủy quyền tham dự có quyền phát biểu ý kiến nhưng không kết luận cuộc họp.

Điều 24. Hợp đồng, giao dịch với những người có liên quan

1. Chủ tịch, Giám đốc Công ty:

- a) Không được để vợ hoặc chồng, bố, bố nuôi, mẹ, mẹ nuôi, con, con

nuôi, anh, chị, em ruột của mình giữ chức danh Kế toán trưởng, thủ quỹ của Công ty;

b) Báo cáo Cơ quan đại diện chủ sở hữu Công ty về các hợp đồng kinh tế, dân sự của Công ty ký kết với vợ hoặc chồng, bố, bố nuôi, mẹ, mẹ nuôi, con, con nuôi, anh, chị, em ruột của Chủ tịch, Giám đốc Công ty. Trường hợp phát hiện hợp đồng có mục đích tư lợi mà hợp đồng chưa được ký kết thì có quyền yêu cầu Chủ tịch, Giám đốc Công ty không được ký kết hợp đồng đó. Nếu hợp đồng đã được ký kết thì bị coi là vô hiệu, Chủ tịch, Giám đốc Công ty phải bồi thường thiệt hại cho Công ty và bị xử lý theo quy định của pháp luật.

2. Các trường hợp khác thực hiện theo Điều 86 Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và quyết định của Cơ quan đại diện chủ sở hữu Công ty (nếu có).

Điều 25. Phó Giám đốc, Kế toán trưởng Công ty

1. Phó Giám đốc Công ty

a) Chủ tịch Công ty quyết định quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, điều động, luân chuyển, miễn nhiệm, cách chức, từ chức, khen thưởng, kỷ luật, thôi việc, nghỉ hưu đối với Phó Giám đốc theo đề nghị của Giám đốc Công ty. Thời hạn bổ nhiệm không quá năm (05) năm. Hết thời hạn có thể được bổ nhiệm lại.

b) Phó Giám đốc giúp Giám đốc điều hành Công ty theo phân công và ủy quyền của Giám đốc, chịu trách nhiệm trước Giám đốc và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công và ủy quyền, chịu trách nhiệm về quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

c) Không được kiêm nhiệm là các chức danh khác của doanh nghiệp khác, trừ trường hợp theo sự phân công của Chủ tịch Công ty.

d) Số lượng Phó Giám đốc không quá 02 người. Chủ tịch Công ty quyết định cơ cấu, số lượng Phó Giám đốc theo quy mô và đặc điểm kinh doanh của Công ty trong quá trình hoạt động. Trường hợp đặc biệt nếu cần nhiều hơn 02 Phó Giám đốc, Chủ tịch Công ty đề nghị, báo cáo Cơ quan đại diện chủ sở hữu xem xét, quyết định.

2. Kế toán trưởng Công ty

a) Kế toán trưởng do Chủ tịch Công ty quyết định quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, điều động, luân chuyển, chấp thuận từ chức, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật, nghỉ hưu. Thời hạn bổ nhiệm không quá năm (05) năm. Kế toán trưởng có thể được bổ nhiệm lại hoặc ký tiếp hợp đồng.

b) Tiêu chuẩn, điều kiện bổ nhiệm theo quy định của Luật Kế toán.

3. Kế toán trưởng Công ty có trách nhiệm sau đây:

a) Thực hiện các quy định của pháp luật về kế toán, tài chính trong đơn vị kế toán;

b) Tổ chức điều hành bộ máy kế toán theo quy định của Luật Kế toán;

c) Lập báo cáo tài chính tuân thủ chế độ kế toán và chuẩn mực kế toán.

4. Kế toán trưởng có quyền độc lập về chuyên môn, nghiệp vụ kế toán.

a) Có ý kiến bằng văn bản với người đại diện theo pháp luật của đơn vị kế toán về việc tuyển dụng, thuyên chuyển, tăng lương, khen thưởng, kỷ luật người làm kế toán, thủ kho, thủ quỹ;

b) Yêu cầu các bộ phận liên quan trong đơn vị kế toán cung cấp đầy đủ, kịp thời tài liệu liên quan đến công việc kế toán và giám sát tài chính của kế toán trưởng;

c) Bảo lưu ý kiến chuyên môn bằng văn bản khi có ý kiến khác với ý kiến của người ra quyết định;

d) Báo cáo bằng văn bản cho người đại diện theo pháp luật của đơn vị kế toán khi phát hiện hành vi vi phạm pháp luật về tài chính, kế toán trong đơn vị; trường hợp vẫn phải chấp hành quyết định thì báo cáo lên cấp trên trực tiếp của người đã ra quyết định hoặc Cơ quan nhà nước có thẩm quyền và không phải chịu trách nhiệm về hậu quả của việc thi hành quyết định đó.

5. Phó Giám đốc, Kế toán trưởng bị miễn nhiệm, cách chức trong các trường hợp sau đây:

a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại Điều 101 của Luật Doanh nghiệp.

b) Có đơn xin nghỉ việc.

c) Không có đủ trình độ và năng lực đáp ứng yêu cầu của chiến lược phát triển và kế hoạch kinh doanh mới của doanh nghiệp.

d) Vi phạm một trong số các quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của người quản lý quy định tại Điều 97 và Điều 100 của Luật Doanh nghiệp.

Điều 26. Bộ máy giúp việc và các trạm thủy nông trực thuộc

Bộ máy giúp việc gồm văn phòng, các phòng, ban chuyên môn, nghiệp vụ có chức năng tham mưu, kiểm tra, giúp việc cho Chủ tịch Công ty, Ban Giám đốc Công ty trong quản lý, điều hành Công ty; có Trưởng phòng và không quá hai (02) Phó Trưởng phòng.

Cơ cấu tổ chức và chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của bộ máy giúp việc và các trạm Thủy nông trực thuộc do Giám đốc quyết định sau khi được Chủ tịch Công ty chấp thuận.

Mục 5

NGƯỜI LAO ĐỘNG THAM GIA QUẢN LÝ CÔNG TY

Điều 27. Nghĩa vụ của người lao động

1. Thực hiện hợp đồng lao động, thỏa ước lao động tập thể.

2. Chấp hành kỷ luật lao động, nội quy lao động, tuân theo sự điều hành hợp pháp của người sử dụng lao động.

Điều 28. Hình thức tham gia quản lý của người lao động

Người lao động tham gia quản lý Công ty thông qua các hình thức và tổ chức sau đây:

1. Hội nghị toàn thể hoặc Hội nghị đại biểu người lao động Công ty.
2. Tổ chức Công đoàn Công ty.
3. Ban Thanh tra nhân dân.
4. Thực hiện quyền khiếu nại, tố cáo theo quy định của pháp luật.

Điều 29. Nội dung tham gia quản lý Công ty của người lao động

1. Người lao động có quyền tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến và đề xuất với cấp có thẩm quyền các vấn đề sau:

a) Xây dựng và tổ chức thực hiện các nội quy, quy chế nội bộ Công ty liên quan trực tiếp đến quyền lợi và nghĩa vụ của người lao động;

b) Nội dung của dự thảo hoặc dự thảo sửa đổi, bổ sung thỏa ước lao động tập thể trước khi ký kết;

c) Các giải pháp nâng cao năng suất lao động, chất lượng sản phẩm, hạ giá thành, tiết kiệm nguyên vật liệu, an toàn lao động, vệ sinh lao động, bảo vệ môi trường, cải thiện điều kiện làm việc, sắp xếp bố trí lao động;

d) Phương án tổ chức lại, chuyển đổi Công ty;

e) Tham gia bỏ phiếu tín nhiệm đối với các chức danh quản lý, điều hành Công ty khi được yêu cầu theo quy định của pháp luật;

g) Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật có liên quan.

2. Tập thể người lao động trong Công ty có quyền tham gia giám sát:

a) Việc thực hiện nghị quyết Hội nghị người lao động;

b) Việc thực hiện các nội quy, quy định, quy chế, Điều lệ của Công ty; thực hiện thỏa ước lao động tập thể; thực hiện hợp đồng lao động; thực hiện các chế độ, chính sách đối với người lao động;

c) Việc thu và sử dụng các loại quỹ do người lao động đóng góp;

d) Kết quả giải quyết khiếu nại, tố cáo và tranh chấp lao động; kết quả thi đua, khen thưởng hàng năm;

e) Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật có liên quan.

3. Hàng năm Công ty có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Ban Chấp hành Công đoàn tổ chức Hội nghị người lao động để bàn giải pháp thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất, kinh doanh mà Chủ tịch Công ty đã thông qua; đánh giá việc thực hiện thỏa ước lao động tập thể, các nội quy, quy chế của Công ty và những vấn đề khác liên quan tới quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của người lao động.

4. Trường hợp Công ty có lao động dôi dư do sắp xếp lại sản xuất kinh

doanh thì việc giải quyết chế độ đối với lao động dôi dư theo các quy định của pháp luật.

5. Quan hệ giữa Công ty và người lao động thực hiện theo các quy định pháp luật về lao động. Giám đốc lập kế hoạch đề Chủ tịch Công ty thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, lao động, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người quản lý và người lao động trong Công ty cũng như mối quan hệ giữa Công ty với các tổ chức Công đoàn của người lao động.

Mục 6

CĂN CỨ VÀ PHƯƠNG PHÁP XÁC ĐỊNH TIỀN LƯƠNG, THÙ LAO, THƯỞNG CỦA NGƯỜI QUẢN LÝ CÔNG TY VÀ KIỂM SOÁT VIÊN

Điều 30. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của Người quản lý Công ty và Kiểm soát viên

1. Nguyên tắc xác định tiền lương, thù lao của người quản lý doanh nghiệp do cấp có thẩm quyền bổ nhiệm:

a) Tuân thủ quy định của pháp luật về lao động và pháp luật về cán bộ, công chức;

b) Căn cứ vào hiệu quả hoạt động sản xuất, kinh doanh hằng năm của doanh nghiệp;

c) Căn cứ vào mức độ hoàn thành nhiệm vụ của người quản lý doanh nghiệp; thù lao của người quản lý doanh nghiệp không chuyên trách được xác định trên cơ sở công việc và thời gian làm việc nhưng không vượt quá 20% tiền lương của người quản lý doanh nghiệp chuyên trách.

2. Tiền thưởng của người quản lý doanh nghiệp do Cơ quan đại diện chủ sở hữu phê duyệt trên cơ sở hiệu quả hoạt động sản xuất, kinh doanh, xếp loại doanh nghiệp, mức độ hoàn thành nhiệm vụ của người quản lý doanh nghiệp và được trích từ lợi nhuận sau thuế của doanh nghiệp.

3. Chủ sở hữu Công ty quyết định mức tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của Chủ tịch và Kiểm soát viên Công ty. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của người quản lý Công ty và Kiểm soát viên Công ty được tính vào chi phí kinh doanh theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, pháp luật có liên quan và phải được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

Chương V

QUẢN LÝ TÀI CHÍNH

Điều 31. Tăng, giảm Vốn điều lệ

1. Vốn điều lệ của Công ty quy định tại Điều 6 của Điều lệ này và có thể

điều chỉnh tăng trong quá trình hoạt động. Cơ quan đại diện chủ sở hữu Công ty phê duyệt tăng vốn điều lệ cho Công ty căn cứ vào mục tiêu, nhiệm vụ, chiến lược phát triển và mở rộng quy mô hoạt động kinh doanh, đặc thù hoạt động của Công ty. Mức vốn điều lệ điều chỉnh tăng thêm được xác định tối thiểu cho 03 (ba) năm kể từ năm quyết định điều chỉnh vốn điều lệ.

2. Phương thức xác định lại mức vốn điều lệ và xác định mức vốn điều lệ tăng; trình tự, thủ tục lập, phê duyệt hồ sơ theo đề nghị đầu tư bổ sung vốn điều lệ; thực hiện cấp bổ sung vốn điều lệ và điều chỉnh vốn điều lệ thực hiện theo quy định tại Nghị định số 91/2015/NĐ-CP, Nghị định số 32/2018/NĐ-CP, Nghị định số 140/2020/NĐ-CP, Thông tư số 36/2021/TT-BTC và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

Điều 32. Quản lý vốn, tài sản, doanh thu, chi phí

Quản lý tài chính của Công ty thực hiện theo Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp và các quy định của pháp luật liên quan, bao gồm những nội dung chủ yếu sau đây:

1. Bảo toàn vốn của Công ty

a) Công ty có trách nhiệm bảo toàn và phát triển vốn nhà nước đầu tư tại Công ty. Mọi biến động về tăng, giảm vốn nhà nước đầu tư vào Công ty, Công ty phải báo cáo Cơ quan đại diện chủ sở hữu và cơ quan tài chính để theo dõi, giám sát.

b) Hàng năm, Công ty phải đánh giá mức độ bảo toàn vốn của Công ty.

2. Đầu tư, xây dựng, mua sắm tài sản cố định của Công ty.

Việc đầu tư, xây dựng, mua sắm tài sản cố định của Công ty được thực hiện theo quy định Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất kinh doanh tại doanh nghiệp.

3. Thuê tài sản

a) Công ty được thuê tài sản (bao gồm cả thuê tài chính) để phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh phù hợp với nhu cầu của Công ty và đảm bảo kinh doanh có hiệu quả.

b) Việc thuê và sử dụng tài sản thuê phải tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật có liên quan.

4. Quản lý sử dụng tài sản cố định

a) Công ty thực hiện quản lý, sử dụng tài sản cố định trong quá trình hoạt động kinh doanh theo quy định của Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp.

b) Công ty thực hiện cho thuê, cầm cố, thế chấp tài sản cố định theo quy định.

5. Cho thuê, thế chấp, cầm cố tài sản

a) Công ty được quyền cho thuê, thế chấp, cầm cố tài sản của Công ty

đảm bảo nguyên tắc có hiệu quả, bảo toàn và phát triển vốn theo quy định của pháp luật.

b) Việc sử dụng tài sản cho thuê, thế chấp, cầm cố phải tuân theo đúng các quy định của pháp luật có liên quan.

6. Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định

a) Công ty được quyền chủ động và thực hiện nhượng bán, thanh lý tài sản cố định đã hư hỏng, lạc hậu kỹ thuật, không có nhu cầu sử dụng hoặc không sử dụng được để thu hồi vốn, đảm bảo nguyên tắc công khai, minh bạch, bảo toàn vốn theo quy định của pháp luật.

b) Thẩm quyền quyết định việc thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, phương thức thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, trình tự, thủ tục thanh lý, nhượng bán tài sản được thực hiện theo quy định hiện hành.

7. Quản lý doanh thu, thu nhập khác và chi phí của Công ty

a) Chủ tịch, Giám đốc hoặc Chủ tịch kiêm Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm trước Cơ quan đại diện chủ sở hữu và trước pháp luật trong việc tổ chức quản lý chặt chẽ, đảm bảo tính đúng đắn, trung thực và hợp pháp của các khoản doanh thu, thu nhập khác và chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

b) Toàn bộ doanh thu, thu nhập khác và chi phí phát sinh trong hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty phải có đầy đủ hồ sơ, chứng từ theo quy định của pháp luật và phản ánh đầy đủ trong sổ kế toán của Công ty theo chế độ kế toán hiện hành.

c) Doanh thu, thu nhập khác và chi phí hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty được xác định bằng đồng Việt Nam, trường hợp thu hoặc chi bằng ngoại tệ phải quy đổi về đồng Việt Nam theo quy định của pháp luật hiện hành.

d) Công ty phải tính đúng, tính đủ chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh và tự chịu trách nhiệm về kết quả hoạt động kinh của Công ty.

e) Việc xác định doanh thu, thu nhập và chi phí để xác định nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác đối với Công ty thực hiện theo quy định của pháp luật về thuế và pháp luật khác có liên quan.

8. Quản lý và sử dụng các quỹ

Việc sử dụng các quỹ của Công ty phải đúng mục đích, đúng đối tượng.

a) Công ty xây dựng, ban hành Quy chế quản lý sử dụng các quỹ theo quy định của pháp luật để áp dụng trong nội bộ; quy chế phải đảm bảo dân chủ, minh bạch có sự tham gia của Ban Chấp hành Công đoàn Công ty và công khai trong Công ty trước khi thực hiện.

b) Trong năm tài chính, Công ty chủ động thực hiện tạm tính các quỹ trên cơ sở kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty có lãi và đã nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định. Lợi nhuận còn lại được phân phối như sau:

- Quỹ đầu tư phát triển được dùng để thực hiện các dự án đầu tư phát triển Công ty và bổ sung vốn điều lệ cho Công ty.

- Quỹ khen thưởng được dùng để:

+ Thưởng cuối năm, thưởng thường kỳ, thưởng đột xuất, thưởng theo quy định pháp luật về thi đua khen thưởng cho người lao động trong Công ty. Không dùng quỹ của Công ty để chi thưởng cho đối tượng là người quản lý, kiểm soát viên do nhà nước bổ nhiệm (trừ các khoản theo quy định của pháp luật về thi đua khen thưởng).

+ Thưởng cho những cá nhân và đơn vị ngoài Công ty có đóng góp nhiều cho hoạt động kinh doanh, công tác quản lý của Công ty.

+ Mức thưởng do Giám đốc Công ty quyết định được ghi trong Quy chế quản lý sử dụng quỹ của Công ty.

- Quỹ phúc lợi được dùng để:

+ Đầu tư xây dựng hoặc sửa chữa các công trình phúc lợi của Công ty.

+ Chi cho các hoạt động phúc lợi của người lao động trong Công ty bao gồm cả người quản lý, kiểm soát viên do nhà nước bổ nhiệm.

+ Góp một phần vốn để đầu tư xây dựng các công trình phúc lợi chung trong ngành hoặc với các đơn vị khác theo hợp đồng.

+ Sử dụng một phần quỹ phúc lợi để trợ cấp khó khăn đột xuất cho những người lao động kể cả những trường hợp về hưu, về mất sức, lâm vào hoàn cảnh khó khăn, không nơi nương tựa hoặc làm công tác từ thiện xã hội.

+ Mức chi sử dụng do Giám đốc Công ty quyết định, được ghi trong quy chế quản lý, sử dụng quỹ của Công ty.

- Quỹ thưởng người quản lý Công ty, Kiểm soát viên được dùng để:

+ Thưởng hàng năm, thưởng khi kết thúc nhiệm kỳ cho Chủ tịch, Giám đốc, Phó Giám đốc, Kiểm soát viên, Kế toán trưởng Công ty.

+ Mức thưởng hàng năm và thưởng khi kết thúc nhiệm kỳ do Cơ quan đại diện chủ sở hữu quyết định gắn với tiêu chí đánh giá người quản lý Công ty, Kiểm soát viên và hiệu quả hoạt động kinh doanh của Công ty, trên cơ sở đề nghị của Chủ tịch Công ty.

+ Trường hợp Chủ tịch, Giám đốc, Phó Giám đốc, Kiểm soát viên, Kế toán trưởng Công ty được khen thưởng theo quy định của pháp luật về thi đua khen thưởng thì Công ty sử dụng nguồn Quỹ khen thưởng của Công ty để chi thưởng cho các đối tượng nêu trên theo mức thưởng mà pháp luật về thi đua khen thưởng đã quy định đối với từng hình thức thi đua, khen thưởng.

Điều 33. Nguyên tắc phân chia lợi nhuận sau thuế và xử lý lỗ trong kinh doanh

- Lợi nhuận của Công ty sau khi bù đắp lỗ năm trước theo quy định của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp, trích Quỹ phát triển khoa học và công nghệ

theo quy định của pháp luật, nộp thuế thu nhập doanh nghiệp, phân lợi nhuận còn lại được phân chia theo nguyên tắc và thứ tự như sau:

1. Xử lý lỗ trong kinh doanh: Bù đắp khoản lỗ của các năm trước đã hết thời hạn được trừ vào lợi nhuận trước thuế theo quy định của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp.

2. Lợi nhuận còn lại sau khi trừ các khoản quy định tại khoản 1 Điều này được phân phối theo thứ tự như sau:

a) Trích tối đa 30% vào Quỹ đầu tư phát triển của Công ty;

b) Trích một phần lợi nhuận sau thuế của doanh nghiệp để lập Quỹ khen thưởng, Quỹ phúc lợi của người lao động và Quỹ thưởng của người quản lý doanh nghiệp, Kiểm soát viên trên cơ sở hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp, mức độ hoàn thành nhiệm vụ được Nhà nước giao và kết quả xếp loại doanh nghiệp.

c) Trường hợp số lợi nhuận còn lại sau khi trích lập Quỹ đầu tư phát triển quy định tại điểm b khoản này mà không đủ nguồn để trích các Quỹ khen thưởng, Quỹ phúc lợi, Quỹ thưởng người quản lý doanh nghiệp, kiểm soát viên theo mức quy định thì doanh nghiệp được giảm trừ phần lợi nhuận trích lập Quỹ đầu tư phát triển để bổ sung nguồn trích lập đủ Quỹ khen thưởng, Quỹ phúc lợi, Quỹ thưởng người quản lý doanh nghiệp, kiểm soát viên theo mức quy định, nhưng mức giảm tối đa không quá mức trích vào Quỹ đầu tư phát triển trong năm tài chính;

d) Lợi nhuận còn lại sau khi trích lập các quỹ quy định tại các điểm a, b, c khoản này được nộp về ngân sách nhà nước.

- Phương án phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ hằng năm của Công ty được lập và trình Cơ quan đại diện chủ sở hữu phê duyệt theo quy định.

Chương VI

TỔ CHỨC LẠI, CHUYỂN ĐỔI, GIẢI THỂ, PHÁ SẢN CÔNG TY

Điều 34. Tổ chức lại

1. Việc tổ chức lại Công ty do Cơ quan đại diện chủ sở hữu quyết định.

2. Hình thức, điều kiện, hồ sơ, trình tự, thủ tục tổ chức lại Công ty thực hiện theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các quy định pháp luật khác có liên quan.

Điều 35. Chuyển đổi sở hữu Công ty

Cơ quan đại diện chủ sở hữu Công ty quyết định việc chuyển đổi Công ty thành Công ty TNHH hai thành viên trở lên hoặc Công ty cổ phần theo quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 36. Tạm ngừng kinh doanh

1. Cơ quan đại diện chủ sở hữu quyết định việc tạm ngừng kinh doanh của Công ty theo đề nghị của Chủ tịch Công ty. Quyết định tạm ngừng kinh doanh của Cơ quan đại diện chủ sở hữu phải được lập thành văn bản.

2. Công ty tổ chức thực hiện tạm ngừng kinh doanh theo quyết định của Cơ quan đại diện chủ sở hữu phù hợp quy định của pháp luật.

Điều 37. Giải thể Công ty

Công ty giải thể theo quyết định của Cơ quan đại diện chủ sở hữu và các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 38. Phá sản Công ty

Việc phá sản Công ty được thực hiện theo quy định của Luật Phá sản.

Chương VII
CHẾ ĐỘ BÁO CÁO, CÔNG KHAI THÔNG TIN

Điều 39. Trách nhiệm báo cáo và thông tin của Giám đốc Công ty

1. Giám đốc có trách nhiệm gửi Chủ tịch Công ty những tài liệu sau đây theo định kỳ hàng quý:

- a) Báo cáo về tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty;
- b) Báo cáo tài chính;
- c) Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Công ty và các báo cáo khác theo quy định.

2. Chủ tịch Công ty có quyền yêu cầu Giám đốc, các cán bộ quản lý của Công ty cung cấp mọi hồ sơ, tài liệu liên quan đến tổ chức thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Chủ tịch Công ty.

3. Giám đốc là người chịu trách nhiệm tổ chức việc lưu giữ và bảo mật hồ sơ, tài liệu của Công ty.

Điều 40. Báo cáo và thông tin cho Cơ quan đại diện chủ sở hữu Công ty

1. Chủ tịch Công ty lập và gửi Cơ quan đại diện chủ sở hữu Công ty những tài liệu sau đây:

- a) Báo cáo về tình hình kinh doanh và tài chính của Công ty;
- b) Báo cáo về tình hình thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Chủ tịch Công ty về kết quả thực hiện các nhiệm vụ được ủy quyền;
- c) Các tài liệu khác theo quy định của pháp luật về chế độ thông tin, báo cáo của Công ty TNHH một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu.

2. Kiểm soát viên báo cáo Cơ quan đại diện chủ sở hữu Công ty:

- a) Báo cáo kết quả kiểm tra tính hợp pháp, trung thực, cần trọng của Chủ

tịch, Giám đốc Công ty trong tổ chức thực hiện quyền chủ sở hữu, trong quản lý điều hành công việc kinh doanh của Công ty;

b) Báo cáo kết quả thẩm định báo cáo tài chính, báo cáo tình hình kinh doanh;

c) Báo cáo về thực trạng quản trị, cơ cấu tổ chức Công ty;

d) Báo cáo đánh giá công tác quản lý và các tài liệu khác theo quy định của Điều lệ này và pháp luật về chế độ báo cáo, thông tin của Công ty TNHH một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu.

3. Các báo cáo định kỳ được lập và trình hàng quý. Báo cáo đột xuất được lập và gửi theo yêu cầu của Cơ quan đại diện chủ sở hữu Công ty trong từng trường hợp.

Điều 41. Công bố thông tin

Công ty có trách nhiệm thực hiện công bố thông tin thực hiện theo quy định tại Nghị định 47/2021/NĐ-CP.

Chương VIII

SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ CÔNG TY VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ KHÁC

Điều 42. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty

Cơ quan đại diện chủ sở hữu quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty. Chủ tịch Công ty có quyền kiến nghị Cơ quan đại diện chủ sở hữu Công ty sửa đổi, bổ sung Điều lệ này.

Điều 43. Quản lý con dấu của Công ty

1. Chủ tịch Công ty quyết định thông qua con dấu chính thức của Công ty. Con dấu được khắc theo quy định của pháp luật.

2. Chủ tịch, Giám đốc Công ty quản lý và sử dụng con dấu theo quy định của pháp luật.

Điều 44. Thể thức thông qua quyết định của Công ty

Chủ tịch, Ban Giám đốc Công ty căn cứ vào quyền hạn và nghĩa vụ, ký ban hành các quyết định thuộc thẩm quyền của mình theo quy định của pháp luật và điều lệ này.

Tập thể lãnh đạo thông qua nghị quyết, quyết định thuộc thẩm quyền bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác theo quy định.

Trường hợp Điều lệ Công ty không có quy định khác thì nghị quyết, quyết định các vấn đề khác sau đây phải được thông qua bằng biểu quyết tại cuộc họp tập thể lãnh đạo:

a) Sửa đổi, bổ sung nội dung Điều lệ Công ty;

- b) Quyết định phương hướng phát triển Công ty;
- c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng thành viên; bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc;
- d) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
- e) Tổ chức lại, giải thể Công ty.

Điều 45. Nguyên tắc giải quyết tranh chấp nội bộ

Việc giải quyết tranh chấp nội bộ trong Công ty trước hết phải được thực hiện theo phương thức thương lượng, hòa giải. Trường hợp giải quyết tranh chấp nội bộ theo phương thức thương lượng, hòa giải không đạt được kết quả thì bất kỳ bên nào cũng có quyền đưa tranh chấp ra các cơ quan có thẩm quyền để giải quyết.

Chương IX ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 46. Hiệu lực thi hành

Điều lệ này gồm 09 chương 47 điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày được Cơ quan đại diện chủ sở hữu Công ty phê duyệt.

Điều 47. Phạm vi thi hành

1. Cơ quan đại diện chủ sở hữu Công ty, Công ty, các đơn vị và cá nhân có liên quan có trách nhiệm tuân thủ các quy định tại Điều lệ Công ty.
2. Công ty ban hành các Quy chế nội bộ, các Quy chế nội bộ phải tuân thủ nguyên tắc, nội dung của Điều lệ này.
3. Trong trường hợp những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty nhưng chưa được quy định tại Điều lệ hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều, khoản trong Điều lệ thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng để điều chỉnh hoạt động của Công ty./.